

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 3 NĂM 2015

HẢI PHÒNG - NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145.932.411.330	139.564.934.915
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	49.980.666.620	59.592.063.490
1. Tiền	111		13.030.666.620	13.542.063.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.950.000.000	46.050.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.944.927.479	12.036.553.400
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	2.784.286.841	2.872.283.094
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	-1.139.359.362	-935.729.694
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	10.300.000.000	10.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.380.829.912	62.094.828.636
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	39.233.389.557	31.048.937.416
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	38.976.483.957	32.785.601.113
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.810.584.419	905.517.835
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-2.639.628.021	-2.645.227.728
IV. Hàng tồn kho	140		2.814.378.145	4.631.762.515
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.814.378.145	4.631.762.515
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.811.609.174	1.209.726.874
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	233.736.026	440.306.038
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		401.510.880	289.745.015
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		0	23.700.621
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		1.176.362.268	455.975.200
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.097.325.083	109.580.146.050
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.718.168.087	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		213.168.087	
4. Phải thu dài hạn khác	216		1.505.000.000	
II. Tài sản cố định	220	V.9	28.993.904.685	29.604.039.694
1. Tài sản cố định hữu hình	221		28.993.904.685	29.604.039.694
- Nguyên giá	222		115.016.648.805	111.778.717.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-86.022.744.120	-82.174.677.691
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.291.939.414	41.230.884.914
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	41.291.939.414	41.230.884.914
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		35.824.428.813	36.324.428.813
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	3.600.000.000	3.600.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	33.594.424.002	34.094.424.002
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	-1.369.995.189	-1.369.995.189
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.268.884.084	2.420.792.629
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.604.014.509	1.670.563.054
2. Tài sản dài hạn khác	268		664.869.575	750.229.575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		256.029.736.413	249.145.080.965

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		109.130.690.242	103.944.911.960
I. Nợ ngắn hạn	310		56.799.751.471	51.335.565.839
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	14.114.831.468	15.276.348.617
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	23.118.655.015	21.980.097.717
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	4.378.086.266	3.641.708.332
4. Phải trả người lao động	314		6.119.010.472	5.965.106.053
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	4.815.771.768	1.957.606.449
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	3.130.329.840	1.409.809.043
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		704.691.935	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	418.374.707	1.104.889.628
II. Nợ dài hạn	330		52.330.938.771	52.609.346.121
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.21	52.330.938.771	52.339.563.292
2. Doanh thu chưa thực hiện	338			269.782.829
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		146.899.046.171	145.200.169.005
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	146.899.046.171	145.200.169.005
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.000.000.000	20.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		-20.000	-20.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.315.446.218	2.746.758.303
5. Quỹ dự phòng tài chính	420		0	6.000.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.583.619.953	26.453.430.702
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.579.578.482	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.004.041.471	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		256.029.736.413	249.145.080.965

Lập biểu



Bùi Thị Thu Hà

P.TP TCKT



Đặng Anh Dũng

Hải phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay Q3/2015	Năm trước Q3/2014	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	62.694.796.476	64.982.095.330	179.675.146.025	179.534.472.889
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	VI.1	62.694.796.476	64.982.095.330	179.675.146.025	179.534.472.889
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	55.049.835.326	58.731.375.470	160.886.081.416	160.382.029.016
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.644.961.150	6.250.719.860	18.789.064.609	19.152.443.873
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.459.057.920	623.394.093	3.035.342.538	1.962.790.189
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	267.972.760	40.144.457	304.598.589	104.642.240
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24				0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.086.378.921	1.167.283.233	3.933.598.293	3.351.547.788
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		7.749.667.389	5.666.686.263	17.586.210.265	17.659.044.034
11. Thu nhập khác	31	VI.6	135.546.596	230.474.252	885.289.621	1.052.023.648
12. Chi phí khác	32	VI.7	89.504.781	2.170.349	268.326.606	215.694.258
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		46.041.815	228.303.903	616.963.015	836.329.390
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.795.709.204	5.894.990.166	18.203.173.280	18.495.373.424
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.691.973.405	814.000.000	3.821.606.026	4.110.102.859
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lãi sau thuế nhà 163 NVT phải trả VNL						306.146.161
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.103.735.799	5.080.990.166	14.381.567.254	14.079.124.404
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	678	565	1.598	1.564

Hải phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2015

Lập biểu

P.TP TCKT

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thu Hà

Đâu Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)
 cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay Luỹ kế từ đầu năm	Năm trước Luỹ kế từ đầu năm
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		190.241.696.515	191.137.222.176
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-137.082.787.023	-140.673.292.568
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-23.350.344.246	-22.432.412.678
4. Tiền lãi vay đã trả	04			-56.519.355
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-4.029.536.403	-4.987.688.983
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		26.061.817.278	11.326.995.986
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-54.006.187.679	-30.799.471.159
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>-2.165.341.558</i>	<i>3.514.833.419</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-3.862.028.216	-2.317.806.600
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		566.000.000	423.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-2.200.000.000	-5.050.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	40.460.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		587.996.253	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.103.668.716	1.309.153.064
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>2.195.636.753</i>	<i>-5.595.193.536</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			350.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-9.722.791.170	-1.871.652.750
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>-9.722.791.170</i>	<i>-1.521.652.750</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 40 + 30 + 20)</i>	50		<i>-9.692.495.975</i>	<i>-3.602.012.867</i>

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		59.592.063.490	63.264.967.166
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		81.099.105	30.089.785
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		49.980.666.620	59.693.044.084

Hải phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2015

Lập biểu



Bùi Thị Thu Hà

P. TP TCKT



Đâu Anh Dũng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng; kinh doanh nhà; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Đóng tàu, cấu kiện nổi; Đại lý, môi giới, đấu giá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất xe có động cơ; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất thân xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bốc xếp hàng hoá.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

6. Khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/9/2015 không so sánh được với báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/9/2014 do có sự thay đổi về chế độ kế toán doanh nghiệp.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”) được dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

Ban Tổng giám đốc cam kết tuân thủ mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở thông báo phân phối lợi nhuận từ các công ty này.

Đầu tư dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

Chúng khoá kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm Chi phí mua, chế biến và các chi phí khác nếu có để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	03 – 07

4.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử, ... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí đầu tư, xây dựng cơ bản công trình, tài sản

Chi phí đầu tư, xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, ... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và các chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện giá gốc

4.10 Vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

- Thăng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

4.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu tài chính

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán và thuế, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

4.14 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Trong việc xem xét mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.799.035.184	1.773.832.754
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.231.631.436	11.768.230.736
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	36.950.000.000	46.050.000.000
Cộng	49.980.666.620	59.592.063.490

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	2.784.286.841	2.872.283.094
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-1.139.359.362	-935.729.694
Cộng	1.644.927.479	1.936.553.400

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	10.300.000.000	10.100.000.000
Cộng	10.300.000.000	10.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

Chi tiết chứng khoán kinh doanh

Cổ phiếu

	Số lượng	Số cuối quý	Dự phòng	Số lượng	Số đầu năm	Dự phòng
		Giá trị đầu tư (VNĐ)	(VNĐ)		Giá trị đầu tư (VNĐ)	(VNĐ)
Công ty CP hàng hải Hà Nội (MHC)	3.027	86.814.067	-36.565.867	3.027	86.815.067	-38.382.067
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	10.560	383.929.077	-161.788.392	8.200	383.929.077	-158.429.077
Công ty CP tập đoàn Hoa Sen (HSG)	720	32.000.000	-2.624.000	720	32.000.000	2.200.000
Công ty CP vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) *	298			298		
Công ty CP thủy sản Bến Tre (ABT)	840	46.250.000	-2.570.000	840	46.250.000	-2.150.000
Công ty CP Nam Việt (ANV)	1.000	30.000.000	-21.700.000	1.000	30.000.000	-20.200.000
Công ty CP cáp và vật liệu viễn thông (SAM)	1.929	10.430.000	1.060.950	1.400	10.430.000	7.770.000
Công ty CP đại lý liên hiệp vận chuyển (GMD)	3.330	203.749.750	-89.863.750	3.330	203.749.750	-107.512.750
Công ty CP cơ điện lạnh (REE)	21.426	783.530.500	-245.737.900	21.426	783.530.500	-179.317.300
Công ty CP tập đoàn Hoà Phát (HPG)	5	85.344		1.980	58.290.000	
Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ FPT (FPT)	3.593	237.948.000	-78.059.500	2.500	237.948.000	-87.948.000
Tổng công ty CP dịch vụ kỹ thuật dầu khí (PV5)	74	1.789.603	-250.403	11.474	277.485.200	
Công ty CP vận tải biển Vinaship (VNA)	15.000	272.760.500	-235.260.500	15.000	272.760.500	-218.760.500
Công ty CP vận tải biển Việt Nam (VOS)	10.000	195.000.000	-166.000.000	10.000	195.000.000	-133.000.000
Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam	50.000	500.000.000	-100.000.000	0	0	
Cộng		2.784.286.841	-1.139.359.362		2.872.284.094	-935.729.694

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

5.3 Phải thu khách hàng

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Cảng Phước Long	3.604.518.011	2.535.107.709
Công ty CP xi măng Công Thanh	1.804.455.000	
Công ty CP phân bón dầu khí Cà Mau	577.555.000	
Công ty TNHH vận tải và xây dựng HTN	543.974.894	619.093.024
Công ty TNHH khai thác container Việt Nam	1.045.010.830	748.468.900
Công ty TNHH Hanjin Việt Nam	425.369.348	381.456.153
Công ty TOYOTA Việt Nam	3.022.893.500	3.227.045.547
Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	744.602.000	962.090.800
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	791.007.450	915.085.650
Các khoản phải thu khách hàng khác	26.674.003.524	22.575.675.283
Cộng	39.233.389.557	31.048.937.416

5.4 Trả trước cho người bán

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Địa ốc 10	28.906.813.597	28.906.813.597
Công ty CP bất động sản Nova Lexington	7.158.748.052	
Các khoản khác	2.910.922.308	3.878.787.516
Cộng	38.976.483.957	32.785.601.113

5.5 Các khoản phải thu khác

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Phải thu về tiền lãi Ngân hàng	44.358.333	452.225.500
Công ty CP trang trí nội thất Hiệp Hoà Phát	1.781.278.288	
Công ty CP XD công trình giao thông 710	135.572.723	38.360.449
Công ty TNHH MTV san lấp mặt bằng Long Bình	335.360.000	
Các khoản phải thu khác	1.514.015.075	453.291.656
Cộng	3.810.584.419	905.517.835

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay VND
Số đầu năm	-2.645.227.728
Số trích trong năm	1.189.883
Hoàn nhập dự phòng	6.789.590
Số cuối năm	-2.639.628.021

5.7 Hàng tồn kho

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Nguyên vật liệu	2.612.081.033	4.041.353.810
Hàng hoá	190.832.112	590.408.705
Hàng gửi đi bán	11.465.000	
Cộng	2.814.378.145	4.631.762.515

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	233.736.026	440.306.038
Cộng	233.736.026	440.306.038

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền đẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	65.159.267.298	24.367.013.328	19.656.543.275	306.159.120	2.289.734.364	111.778.717.385
Mua trong năm	1.951.185.381				1.421.498.037	3.372.683.418
Thanh lý, nhượng bán	134.751.998					134.751.998
Số cuối kỳ	66.975.700.681	24.367.013.328	19.656.543.275	306.159.120	3.711.232.401	115.016.648.805
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	48.876.495.485	22.755.872.619	9.116.128.204	293.101.170	1.133.080.213	82.174.677.691
Khấu hao trong năm	1.699.103.144	354.785.340	1.628.215.533	13.057.950	278.443.889	3.973.605.856
Thanh lý, nhượng bán	125.539.427					125.539.427
Số dư cuối kỳ	50.450.059.202	23.110.657.959	10.744.343.737	306.159.900	1.411.524.102	86.022.744.120
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	16.282.771.813	1.611.140.709	10.540.415.071	13.057.950	1.156.654.151	29.604.039.694
Số cuối năm	16.525.641.479	1.256.355.369	8.912.199.538	0	2.299.708.299	28.993.904.685

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Dự án Bắc Rạch Chiếc - Phước Bình (*)	31.357.375.952	31.314.321.452
Dự án Bắc Rạch Chiếc - Phước Long A	9.812.018.007	9.812.018.007
Dự án bãi container Đình Vũ	122.545.455	104.545.455
Cộng	41.291.939.414	41.230.884.914

5.11 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu (*)	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	3.600.000.000	3.600.000.000

(*) Công ty góp vốn vào Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu với tỷ lệ vốn góp là 27,73% vốn điều lệ.

5.12 Đầu tư dài hạn khác

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines	33.594.424.002	33.594.424.002
Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam(*)	0	500.000.000
Cộng	33.594.424.002	34.094.424.002

(*) Kết chuyển khoản đầu tư vào Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam (MCK: VLG) sang tài khoản chứng khoán kinh doanh.

5.13 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Năm nay VND
Số đầu năm	-1.369.995.189
Số trích trong năm	0
Hoàn nhập dự phòng	0
Cộng	-1.369.995.189

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

5.14 Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa bãi Chùa Vẽ	83.451.687		83.451.687	0
Chi phí sửa chữa văn phòng	212.796.507		142.092.225	70.704.282
Chi phí CCDC tại bãi Nam Hoà	1.313.032.564	724.000.000	676.416.823	1.360.615.741
Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ	61.282.296	162.762.732	51.350.542	172.694.486
Cộng	1.670.563.054	886.762.732	953.311.277	1.604.014.509

5.15 Phải trả người bán

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Công ty TNHH khai thác container Việt Nam	7.290.493.167	7.379.871.567
Công ty TNHH Ngọc Khang	435.420.000	804.640.000
Công ty xăng dầu khu vực 3 – TNHH MTV	1.349.992.036	795.742.392
Gold Container Leasing PTE Ltd	0	1.272.174.652
Các khoản phải trả khách hàng khác	5.038.926.265	5.023.920.006
Cộng	14.114.831.468	15.276.348.617

5.16 Người mua trả tiền trước

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Công ty CP đầu tư và phát triển SACA	21.592.350.000	21.592.350.000
Các khoản khác	1.526.305.015	387.747.717
Cộng	23.118.655.015	21.980.097.717

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	306.324.031	5.455.056.778	5.208.040.497	553.340.312
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.129.536.403	3.922.176.422	4.089.447.903	2.962.264.922
Thuế thu nhập cá nhân	97.779.625	908.857.463	895.590.089	111.046.999
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	20.000.000	3.399.039.000	2.767.224.600	651.814.400
Các loại thuế khác	88.068.273	842.063.103	830.511.743	99.619.633
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		29.204.640	29.204.640	
Cộng	3.641.708.332	14.556.397.406	13.820.019.472	4.378.086.266

5.18 Chi phí phải trả

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Chi phí khai thác bãi	3.178.692.812	1.542.749.137
Phí kiểm toán BCTC 2014	0	90.909.091
Phải trả khác	1.637.078.956	323.948.221
Cộng	4.815.771.768	1.957.606.449

5.19 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	251.578.023	232.655.246
Tiền cổ tức phải trả	0	273.333.670
Hoạt động khai thác nhà 163 NVT	1.564.870.903	538.606.739
Phải trả, phải nộp khác	1.313.880.914	903.820.127
Cộng	3.130.329.840	1.409.809.043

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

5.20 Quỹ hội đồng quản trị, phúc lợi

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Quỹ HĐQT	-1.743.475	602.701.916
Quỹ phúc lợi	420.118.182	502.187.712
Cộng	418.374.707	1.104.889.628

5.21 Phải trả dài hạn khác

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.112.500.000	1.647.469.900
Khoản góp vốn của CBCNV thực hiện dự án Bắc Rạch Chiềc - Phước Bình	43.977.775.000	43.777.775.000
Lãi tiền gửi dự án Bắc Rạch Chiềc - Phước Bình	7.240.663.771	6.914.318.392
Cộng	52.330.938.771	52.339.563.292

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

5.22 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	20.000.000.000	0	13.424.128.509	5.984.147.634	39.825.635.987	139.233.912.130
Lãi trong năm trước						19.263.920.577	19.263.920.577
Trích lập các quỹ trong năm trước				184.680.350	15.852.366	-3.186.789.095	-2.986.256.379
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	10.000.000.000			-10.000.000.000		0	0
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	20.000.000.000					-20.000.000.000	0
Mua lại cổ phiếu lẻ			-20.000				-20.000
Nộp về quỹ hỗ trợ SXDN Vinalines				-862.050.556			-862.050.556
Chi cổ tức năm 2013 (15% VDL)						-9.000.000.000	-9.000.000.000
LNST nhà 163 NVT phải trả VNL						-449.336.767	-449.336.767
Số dư cuối năm trước	90.000.000.000	20.000.000.000	-20.000	2.746.758.303	6.000.000.000	26.453.430.702	145.200.169.005
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	20.000.000.000	-20.000	8.746.758.303	6.000.000.000	26.453.430.702	145.200.169.005
Lãi trong năm nay						14.381.567.254	14.381.567.254
Trích lập các quỹ trong năm nay				3.568.687.915	0	-3.568.687.915	0
Trích quỹ HDT, quỹ PL						-1.882.692.488	-1.882.692.488
Chia cổ tức năm 2014 (12% VDL)						-10.799.997.600	-10.799.997.600
Số dư cuối kỳ này	90.000.000.000	20.000.000.000	-20.000	12.315.446.218	0	24.583.619.953	146.899.046.171

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

b. Chi tiết đầu tư của Vốn chủ sở hữu

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	-20.000	-20.000
Cộng	109.999.980.000	109.999.980.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	10.799.997.600	9.000.000.000
Cộng	10.799.997.600	9.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-2	-2
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-2	-2
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.999.998	8.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.999.998	8.999.998
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ		
Cộng	8.999.998	8.999.998

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hoá	40.970.523.125	60.532.418.609

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

Doanh thu cung cấp dịch vụ	138.704.622.900	119.002.054.280
Cộng	179.675.146.025	179.534.472.889
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá đã cung cấp	39.789.284.604	59.573.642.213
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	121.096.796.812	100.808.386.803
Cộng	160.886.081.416	160.382.029.016
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.210.491.943	1.615.935.684
Cổ tức, lợi nhuận được chia	832.236.800	263.002.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	177.605.048	83.852.105
Hoạt động khác	815.008.747	
Cộng	3.035.342.538	1.962.790.189
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	0	55.300.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	96.733.502	49.299.717
Chi phí khác	207.865.087	45.523
Cộng	304.598.589	104.642.240
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	547.927.130	511.203.865
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.148.503	122.805.831
Chi phí dự phòng	149.766.302	417.555.345
Chi phí bằng tiền khác	1.670.159.794	1.259.388.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.312.120.642	883.564.639
Chi phí khác	166.475.922	157.029.225

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

Cộng	3.933.598.293	3.351.547.788
-------------	----------------------	----------------------

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản	720.495.452	648.272.727
Các khoản thuế được ngân sách hoàn lại		6.090.000
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	7.368.000	11.088.000
Thu nhập kinh doanh năm trước ghi sót	6.550.675	
Thu nhập khác	150.875.494	386.572.921
Cộng	885.289.621	1.052.023.648

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	107.025.667	141.331.326
Chi phí khác	161.300.939	74.362.932
Cộng	268.326.606	215.694.258

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	14.381.567.254	14.385.270.565
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Lợi nhuận liên doanh chia cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam</i>	0	-306.146.161
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu lưu hành bình quân	14.381.567.254	14.079.124.404
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.999.998	8.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.598	1.564

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi cổ tức năm	5.508.000.000	4.590.000.000
Chi phí khấu hao toà nhà 163 Nguyễn Văn Trỗi, lãi hợp đồng hợp tác liên doanh	423.520.247	373.098.640

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, công nợ với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Cổ tức phải trả	0	273.333.670
Khấu hao toà nhà 163 Nguyễn Văn Trỗi, lãi hợp đồng hợp tác liên doanh	949.784.610	538.606.739
Công nợ phải trả	949.784.610	811.940.409

2. Nợ tiềm tàng

Trong năm 2007 và 2008, Công ty có ký ba hợp đồng kinh tế số 1306/HĐKT VMD-SACA ngày 12/11/2007, số 1356/HĐKT VMD-SACA ngày 14/11/2007 và số 130/HĐ VMD-SACA ngày 30/01/2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA (“SACA”). Theo đó, Công ty bàn giao cho SACA 18.137 m2 đất tại Khu quy hoạch Dự án Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc tại phường Phước Long A và Phước Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, đổi lại SACA bàn giao cho Công ty 2.943,27 m2 đất nền có cơ sở hạ tầng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong dự án.

Công ty đã bàn giao và SACA đã nhận 18.137 m2 đất và SACA đã bàn giao cho Công ty 2.943,27 m2 đất nền có cơ sở hạ tầng. Tổng giá trị bồi thường của SACA cho ba hợp đồng trên là 32.280.510.000 đồng (bao gồm thuế GTGT) tương ứng với 2.511,05 m2 đất nền có cơ sở hạ tầng, còn 432,22 m2 đất nền có hạ tầng thuộc quyền sở hữu của Công ty nhưng Công ty chưa thực hiện ký hợp đồng bồi thường với SACA. Năm 2007, Công ty đã ghi nhận doanh thu 10.688.160.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

đồng (bao gồm thuế GTGT). Phần còn lại của số tiền nhận bồi thường được báo cáo trên khoản mục người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán.

Trong nhiều năm, trong diện tích 65.651 m² đất Công ty đã đền bù bị Công ty TNHH Vĩnh Lộc lấn chiếm 6.748 m², trong phần đất lấn chiếm này đó có 3.604 m² đất mà Công ty đã bàn giao cho Công ty SACA.

Ngày 28/7/2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 1904/QĐ-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa Công ty với Công ty TNHH Vĩnh Lộc tại phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo nội dung quyết định trên, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường đã xác định rõ: Công ty đã hoàn thành việc đền bù 65.651 m² đất để thực hiện dự án, không có trường hợp nào thắc mắc khiếu nại và việc Công ty TNHH Vĩnh Lộc yêu cầu được công nhận quyền sử dụng 6.748 m² đất tranh chấp là không có căn cứ pháp luật để giải quyết, việc căn cứ vào hàng rào ranh giới giữa Công ty và Công ty TNHH Vĩnh Lộc để công nhận quyền sử dụng đất cho các bên là không phù hợp.

Với các căn cứ trên và sau khi xem xét toàn diện sự việc, Bộ Tài Nguyên và Môi trường đã quyết định công nhận quyền sử dụng 3.144 m² đất (thuộc khu I) cho Công ty cổ phần Phát triển hàng hải, giao UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện việc cắm mốc, xác định ranh giới trên thực địa cho Công ty cổ phần Phát triển hàng hải và Công ty TNHH Vĩnh Lộc đối với các phần đất được công nhận nêu trên.

Như vậy, với việc đã có quyền sử dụng 432,22 m² đất nền có cơ sở hạ tầng và nay được công nhận quyền sử dụng đối với 3,144 m² đất, Công ty hoàn toàn có thể bàn giao cho Công ty SACA để kết thúc thỏa thuận. Do đó, Công ty sẽ được hạch toán lợi nhuận từ khoản thanh toán trước của SACA 21.592.350.000 đồng đang ghi nhận trên khoản mục Người mua trả tiền trước của Bảng cân đối kế toán.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

Bùi Thị Thu Hà

Phó trưởng phòng TCKT

Đâu Anh Dũng

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dũng